



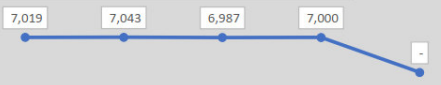
BẢN TIN TUẦN IPC

Số 53/21, 27-31/12/2021

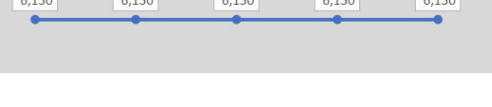
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần cuối năm 2021 cho thấy phản ứng trái chiều.
02. Ấn Độ - Giá Hồ tiêu Ấn Độ ổn định trong tuần này dù đồng Rupee Ấn Độ tăng 1% so với USD (74,66 INR/USD)
03. Indonesia - Giá tiêu đen Indonesia ghi nhận sự sụt giảm trong tuần này, trong khi đó giá tiêu trắng Indonesia ổn định như mọi cuối năm do thị trường ít giao dịch.
04. Malaysia - Giá tiêu nội địa Malaysia ghi nhận chiều hướng tích cực trong tuần này. Trong khi đó, giá tiêu quốc tế Malaysia tiếp tục ổn định.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tăng trong tuần này.
06. Việt Nam - Chỉ duy nhất tiêu trắng của Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế sụt giảm, còn lại đều cho thấy chiều hướng tăng.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Romania (2019-2021).

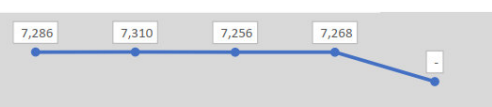
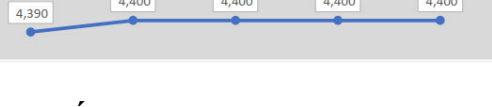
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn		Giá hàng ngày (27-31/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
	Ex-Kochi		7,012 - 6,983	0% 
	Ex-Lampung		3,718 - 3,743	-1% 
	Ex-Kuching		3,597 - 3,570	1% 
	Ex- HCM		3,464 - 3,400	2% 
	Sri Lanka		5,666 - 5,594	1% 

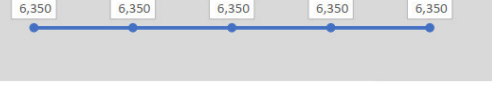
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (27-31/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,384 - 6,402	0%
 Ex-Kuching		6,185 - 6,139	1%
 Ex-HCM		5,205 - 5,076	3%
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0%

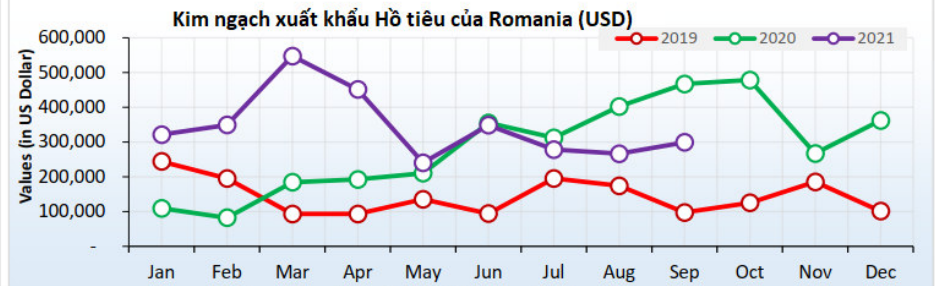
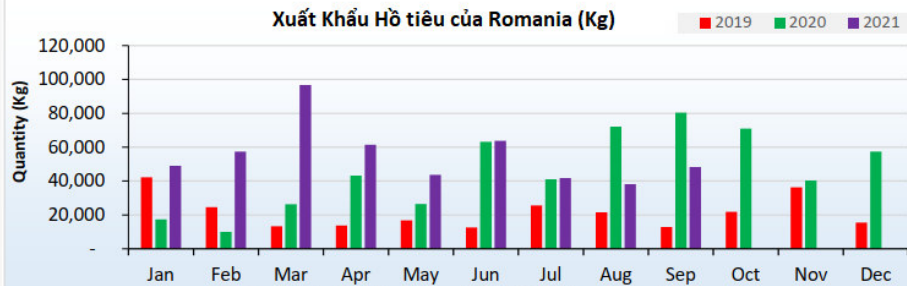
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (27-31/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		7,280 - 7,248	0%
 Lampung ** ASTA		4,410 - 4,438	-1%
 Kuching ASTA		5,200 - 5,200	0%
 Ho Chi Minh 500g/l		4,218 - 4,190	1%
 Ho Chi Minh 550g/l		4,398 - 4,290	3%

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (27-31/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,351 - 7,370	0%
 Kuching ASTA		7,600 - 7,600	0%
 Ho Chi Minh FAQ		6,260 - 6,400	-2%
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0%

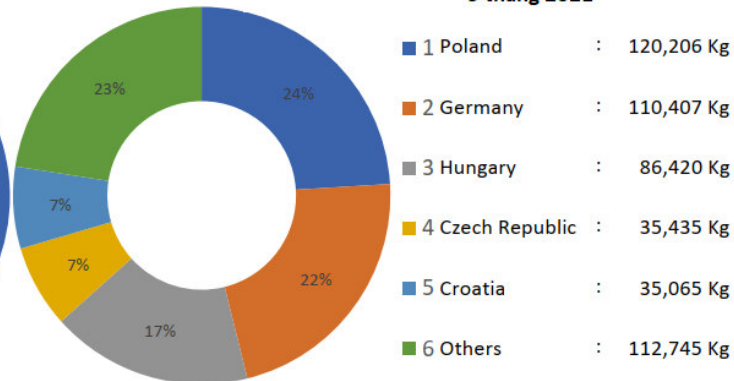
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA ROMANIA



**5 Quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Romania
9 tháng 2021**



**5 thị trường lớn nhập khẩu Hồ tiêu từ Romania
9 tháng 2021**



Tỉ lệ Nhập:Xuất = 4:1

**Xuất khẩu Hồ tiêu của Romania (2019- 2021)****2019****2020****2021***

Tổng lượng xuất (kg)

256,722

548,803

500,278

Tổng trị giá xuất ('000 \$)

\$1,731

\$3,420

\$3,099



Tiêu hạt

34%

29%

29%

Thị phần (%)

Tiêu xay

66%

71%

71%



Chênh lệch (%)

n.a

114%

32%



Tiêu hạt

\$ 7.40

\$ 6.03

\$ 6.84

Giá xuất khẩu (USD/kg)

Tiêu xay

\$ 6.40

\$ 6.32

\$ 5.94

* Tính đến tháng 09/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.37	74.66	14,255	4.18	23,150	201.37
Tuần trước	6.37	75.51	14,293	4.21	23,150	201.46